

Số: *123* /BC-UBND

Hướng Hóa, ngày *16* tháng *3* năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính và kết quả duy trì, củng cố chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công quý I năm 2021

Thực hiện công văn số 172/SNV-CCHCVTVL ngày 09/3/2021 của Sở Nội vụ về việc Hướng dẫn báo cáo CCHC định kỳ năm 2021, UBND huyện Hướng Hóa báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính và kết quả duy trì, củng cố chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công quý I năm 2021 với các nội dung sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành

1. Xây dựng và ban hành kế hoạch cải cách hành chính

Để tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện công tác cải cách hành chính, ngày 21/01/2021 UBND huyện đã ban hành Quyết định số 132/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính huyện Hướng Hóa năm 2021 đề ra mục đích, yêu cầu rõ ràng và 06 nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp và tổ chức thực hiện. Trong mỗi nhiệm vụ, kế hoạch xác định cụ thể sản phẩm đầu ra, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian hoàn thành.

2. Công tác tổ chức chỉ đạo điều hành cải cách hành chính của UBND huyện

Để thực hiện tốt công tác tổ chức chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính UBND huyện giao các cơ quan chuyên môn kịp thời tham mưu UBND huyện ban hành các chương trình, kế hoạch, văn bản liên quan để thực hiện công tác cải cách hành chính, tổ chức theo dõi, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện. Một số văn bản quan trọng được ban hành trong quý I năm 2021 là:

- Quyết định số 3722/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 về việc phê duyệt và công bố chỉ số cải cách hành chính Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn năm 2020.

- Kế hoạch 112/KH-UBND ngày 11/3/2021 về nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trên địa bàn huyện Hướng Hóa năm 2021.

- Kế hoạch số 45/KH-UBND, ngày 27/01/2021 về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, xây dựng xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021.

- Kế hoạch số 69/KH-UBND, ngày 09/02/2021 về tổ chức, triển khai, phổ biến giáo dục pháp luật huyện năm 2021 trên địa bàn huyện Hướng Hóa.

- Kế hoạch số 48/KH-UBND, ngày 27/01/2021 về công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2021 trên địa bàn huyện Hướng Hóa.

- Kế hoạch số 47/KH-UBND, ngày 27/01/2021 về công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2021 trên địa bàn huyện Hướng Hóa.

- Kế hoạch số 44/KH-UBND, ngày 27/01/2021 về theo dõi thi hành pháp luật năm 2021 trên địa bàn huyện Hương Hóa.

- Kế hoạch số 46/KH-UBND, ngày 27/01/2021 về thực hiện công tác bồi thường nhà nước năm 2021 trên địa bàn huyện Hương Hóa.

- Kế hoạch số 110/KH-HĐ ngày 10/3/2021 của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện Hương Hóa về hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện năm 2021.

Ngoài ra UBND huyện còn ban hành nhiều văn bản khác để chỉ đạo, điều hành, như rà soát bộ thủ tục hành chính cấp huyện; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động xử lý hồ sơ công việc, gửi nhận văn bản...

3. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

- Thông tin, tuyên truyền, phổ biến tầm quan trọng, ý nghĩa, mục tiêu các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về CCHC đến công chức, viên chức trong cơ quan. Chỉ đạo Trung tâm Văn hóa Thông tin - Thể dục Thể thao huyện xây dựng các phóng sự, tin, bài về cải cách hành chính.

- Tuyên truyền việc thực hiện công khai thủ tục hành chính tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và các hình thức công khai phù hợp, tổ chức tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo quy định; thường xuyên, kịp thời cập nhật các thủ tục hành chính đã được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ lên cổng thông tin điện tử của cơ quan, cổng thông tin của huyện.

II. Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính

(Có phụ lục đính kèm)

1. Cải cách thể chế

- Trong quý I năm 2021 các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND huyện ban hành được các cơ quan chuyên môn dự thảo, chủ động soạn thảo, tổ chức họp, lấy ý kiến các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật.

- Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xem xét về sự cần thiết ban hành văn bản, đối tượng và phạm vi điều chỉnh của văn bản; tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

- Tiếp tục chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện nghiêm túc công khai các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung đã chuẩn hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Ngành Tư pháp áp dụng tại cấp xã, thị trấn và quán triệt một số quy định của pháp luật về công tác Hộ tịch, chứng thực trên địa bàn.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- UBND huyện đã ban hành công văn số 247/UBND-VP ngày 10/03/2021 về việc hướng dẫn báo cáo công tác KSTTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

- Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC, tiến hành rà soát các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực Đất đai, Lâm nghiệp, Giáo dục - Đào tạo. Danh sách các TTHC, mức phí, lệ phí và

các giấy tờ, hồ sơ liên quan được niêm yết công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, người dân hoàn thiện hồ sơ, giám sát khi có nhu cầu.

- UBND huyện đã công khai 100% các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trên trang thông tin điện tử của huyện, đồng thời niêm yết, công khai tại trụ sở cơ quan và Bộ phận một cửa Văn phòng HĐND&UBND huyện. Việc công khai niêm yết thủ tục hành chính tại trụ sở làm việc và Bộ phận một cửa là hình thức có hiệu quả nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiện nghiên cứu, dễ dàng tiếp cận thực hiện. UBND huyện và các xã, thị trấn tiếp tục thực hiện công tác tiếp nhận và trả kết quả đúng theo quy định; kiện toàn đầy đủ thành viên của tổ tiếp nhận và trả kết quả và cấp đầy đủ phụ cấp theo quy định của UBND tỉnh. Phần lớn các xã, thị trấn thực hiện đầy đủ việc mở sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả, ghi chép các thông tin, ghi phiếu hẹn hồ sơ; bố trí được phòng tiếp nhận và trả kết quả, chỗ tiếp công dân, các thủ tục hành chính được niêm yết công khai, rõ ràng và minh bạch theo quy định. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính của toàn huyện (theo hệ thống một cửa điện tử) tính đến ngày 15/3/2021: Tổng số: 9134 hồ sơ (tỷ lệ đúng hạn 99,4%).

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Thực hiện có hiệu quả đề án tinh giản biên chế của huyện đã được xây dựng theo tinh thần Nghị quyết số 39/NQ-TW của Bộ chính trị, Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Trong quý I năm 2021, UBND huyện đã làm hồ sơ và giải quyết 01 trường hợp tinh giản biên chế.

- Sắp xếp bố trí công chức đúng với trình độ, chuyên môn đào tạo, phân công rõ chức năng nhiệm vụ được giao, tăng cường tính chuyên nghiệp hóa của đội ngũ cán bộ, công chức.

- Thực hiện tốt công tác đánh giá chất lượng cán bộ, công chức về trình độ lý luận, chuyên môn, năng lực, phẩm chất.

- Tiếp tục thực hiện Quy chế điều động, luân chuyển giáo viên, nhân viên các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức

- Trong quý I năm 2021, UBND huyện đã đề nghị Sở Nội vụ xét tuyển 2 viên chức giáo dục thành công chức cấp huyện.

- Quyết định nâng lương thường xuyên, nâng thâm niên nghề, thâm niên vượt khung cho 50 trường hợp; hoàn thành chấm phúc khảo, thẩm định hồ sơ xét thăng hạng giáo viên; thuyên chuyển công tác giáo viên cho 03 trường hợp; bổ nhiệm lại Cán bộ quản lý cho 01 trường hợp; điều động công tác đối với viên chức cho 12 trường hợp; nâng lương trước thời hạn cho 01 trường hợp; nghỉ hưu 01 trường hợp; nghỉ hưu tinh giản biên chế cho 01 trường hợp; thông báo nghỉ hưu cho 02 trường hợp, hưởng trợ cấp lần đầu của giáo viên cho 43 trường hợp.

- Giải quyết kịp thời các chế độ chính sách cho cán bộ công chức, viên chức và người lao động.

- Bên cạnh đó huyện đã tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính Nhà nước, Quyết định 03/2007/QĐ-BNV của

Bộ Nội vụ về quy tắc ứng xử của cán bộ công chức làm việc trong bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở.

5. Cải cách tài chính công

- Công tác thu, chi tài chính được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

- Việc mua sắm tài sản công được thực hiện chặt chẽ theo quy trình mua sắm nên đảm bảo số lượng, chất lượng và phát huy tốt hiệu quả.

- Tổng thu ngân sách nhà nước đến ngày 12/3/2021 là: 210.623.348.125 đồng (dự toán 604.814.368.000 đồng) đạt 34,82% so với kế hoạch. Trong đó: Thu cân đối ngân sách trên địa bàn 11.171.348.125 triệu đồng (dự toán 63.000.000.000 đồng), đạt 17,73% so với kế hoạch; trong đó ngân sách huyện được hưởng sau khi trừ ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh là 10.607.169.504 đồng/58.100.000.000 đồng, đạt 18,26% kế hoạch huyện giao, sau khi loại trừ tiền thu sử dụng đất thì số thu đưa vào cân đối ngân sách huyện là 10.295.465.529 đồng (dự toán 35.600.000.000 đồng), đạt 28,92% so với kế hoạch. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 199.452.000.000 đồng (dự toán 534.517.000.000 đồng), đạt 37,31% so với kế hoạch.

- Tổng chi ngân sách nhà nước đến ngày 12/3/2021 là 156.278.054.076 đồng (dự toán 599.914.368.000 đồng), đạt 26,05% so với kế hoạch. Trong đó: Chi đầu tư phát triển 32.478.402.000 đồng/dự toán 29.055.000.000 đồng, đạt 111,78% so với kế hoạch. Chi thường xuyên 119.684.451.058 đồng/dự toán 552.290.000.000 đồng, đạt 21,67% so với kế hoạch.

6. Hiện đại hóa nền hành chính

- Nhờ ứng dụng rộng rãi hệ thống công nghệ thông tin, triển khai áp dụng chính thức phần mềm hỗ trợ cải cách hành chính tại Bộ phận một cửa của huyện vào công việc từ đó đổi mới phương thức chỉ đạo điều hành, nâng cao chất lượng hội họp, giảm giấy tờ hành chính, rút ngắn thời gian nhận văn bản và giải quyết công việc, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính; xây dựng công sở văn minh, hiện đại.

- Việc triển khai thực hiện “Một cửa điện tử” cho các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn đã công khai, minh bạch hóa các thủ tục hành chính, giám sát đội ngũ cán bộ, công chức giải quyết hồ sơ, hạn chế phiền hà, tiêu cực xảy ra, góp phần cải cách hành chính đạt hiệu quả cao.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính đã hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức lưu trữ hồ sơ, thông tin quá trình giải quyết hồ sơ, theo dõi hồ sơ, tổng hợp báo cáo nhanh chóng.

- Công dân chủ động tra cứu thông tin, tra cứu kết quả thụ lý hồ sơ, nhận thông tin giải quyết hồ sơ, giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, nâng cao sự hài lòng của người dân.

- Tiếp tục sử dụng có hiệu quả phần mềm Quản lý văn bản - Hồ sơ công việc của Văn phòng HĐND&UBND huyện, ứng dụng phần mềm kế toán Misa cho cán bộ công chức, viên chức của các phòng, ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc, UBND các xã, thị trấn, nhằm tiết kiệm tối đa về chi phí văn phòng phẩm đồng thời phục vụ thuận tiện cho công tác quản lý và điều hành. Tiếp tục thực hiện phần

mềm theo dõi nhiệm vụ Chủ tịch UBND huyện giao, đã phát huy hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu và quản lý công văn không phải mất nhiều thời gian như trước đây.

III. Kết quả thực hiện duy trì và củng cố Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công

- Thực hiện Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Chương trình hành động duy trì và củng cố Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025; UBND huyện Ban hành kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 11/03/2021 về nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trên địa bàn huyện Hướng Hóa năm 2021 nhằm nâng cao chất lượng điều hành, quản trị và hành chính công của bộ máy chính quyền từ huyện đến cấp cơ sở, xây dựng nền hành chính dân chủ, minh bạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt kế hoạch cải cách hành chính năm 2021, quy chế dân chủ cơ sở, quy chế tuyển dụng công chức, viên chức ở UBND huyện và UBND các xã, thị trấn công khai, minh bạch thủ tục luân chuyển tiếp nhận, phân công giáo viên, cán bộ quản lý.

- UBND huyện thực hiện tốt việc công khai dân chủ ở cơ sở, minh bạch; trách nhiệm giải trình với người dân; kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; thủ tục hành chính công; cung ứng dịch vụ công.

- Việc giải quyết các thủ tục hành chính được chú trọng thực hiện, tiếp nhận và giải quyết đúng hạn.

- Trên cơ sở chỉ đạo của UBND huyện, các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường công khai, minh bạch, dân chủ trong hoạt động, thực hiện có kết quả công tác xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế xã hội, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân. UBND huyện thường xuyên chỉ đạo UBND các xã, thị trấn nghiêm túc trong quy trình bình xét hộ nghèo và cấp bảo hiểm y tế, công khai danh sách hộ nghèo, công tác tiếp dân được thực hiện thường xuyên và đúng quy định, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn được giữ vững, chế độ trực chỉ huy, trực sẵn sàng chiến đấu được duy trì nghiêm túc, công tác tuần tra các tuyến trọng điểm thường xuyên được tổ chức.

IV. Khó khăn, vướng mắc

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin của người dân còn nhiều hạn chế, nhiều công dân không có thiết bị máy tính, chưa có hòm thư điện tử nên việc gửi hồ sơ trực tuyến còn gặp khó khăn.

V. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục cập nhật một số thủ tục hành chính mới trên trang dichvucong.quangtri.gov.vn, đẩy mạnh tuyên truyền hướng dẫn tổ chức, cá nhân chuyển từ giao dịch trực tiếp sang giao dịch trực tuyến mức độ 3,4 và dịch vụ công Quốc gia.

VI. Kế hoạch trọng tâm quý II

- Thực hiện kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ CCHC tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc, UBND các xã, thị trấn, các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện.

- Đổi mới nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng văn và ban hành văn bản QPPL; thực hiện tốt công tác kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL tại các cơ quan, đơn vị.

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền CCHC, thường xuyên cập nhật tin bài về công tác tuyên truyền CCHC lên trang thông tin điện tử của huyện.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý hành chính Nhà nước các cấp, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước.

- Thực hiện các quy định về kiểm soát thủ tục hành chính, công khai thủ tục hành chính theo quy định.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là cán bộ, công chức xã.

- Lấy ý kiến tham gia của các tổ chức, người dân trên địa bàn về kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ phận TN&TKQ của UBND huyện và UBND các xã, thị trấn.

Trên đây là báo cáo cải cách hành chính quý I năm 2021 và kiến nghị đề xuất của UBND huyện báo cáo Sở Nội vụ biết, có kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đảm bảo yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban chuyên môn;
- Lưu VT, CCHC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Trọng Vân

Phụ lục

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
TẠI UBND HUYỆN HƯỚNG HÓA**

(Ban hành kèm theo Công văn số 123/BC-UBND ngày 16 / 3 / 2021 của UBND huyện Hướng Hóa)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	55	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	11	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	4	- KH CCHC; - KH PAPI; - KH tuyên truyền CCHC; - QĐ phê duyệt bộ chỉ số CCHC.
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Số phòng, ban, đơn vị đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
1.1.2.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3.	Công tác tuyên truyền CCHC			
1.3.1.	Số lượng bài viết đăng tải trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị	Bài	3	
1.3.2.	Số lượng tin, bài đăng tải trên báo Quảng Trị và các tạp chí (nếu có)	Tin, bài	0	
1.3.3.	Số lượng bản tin, phóng sự... trên Đài phát thanh	Bản tin, phóng sự	6	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.4.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao			
1.4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	14	
1.4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	3	
1.4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	121	
1.5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
1.6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	1	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	6	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	428	
Trong đó	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	291	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	137	
	Vận hành Công dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	291	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	39	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	15	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	30	
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,07	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,55	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 2 cấp).	%	99,7	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 2 cấp).	%	68,75	
3.5.	Vận hành Công dịch vụ công			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	291	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	39	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	13	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	13	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	6	
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp huyện thành lập	Cơ quan, đơn vị	0	
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Cơ quan, đơn vị		
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	65	
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	16,7	65/78
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	96	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	86	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	4	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phân trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		Năm 2015: Tinh giản 16 người (trong đó có 4 CC, 3 VC; 7 biên chế giáo dục, 2 công chức xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập		2051	Quý I năm 2021: chưa tính gián biên chế Công chức nào.
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	2083	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	2051	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		Năm 2015: Tinh giản 16 người / tổng biên chế 2460 (trong đó có 4 CC, 3 VC; 7 biên chế giáo dục, 2 công chức xã) Quý I năm 2021: Tinh giản 1 người / tổng biên chế 2083. (1 người thuộc biên chế giáo dục).
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		VTVL chưa được UBND tỉnh phê duyệt.
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	62	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.	Tuyển dụng viên chức			
5.2.1.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.2.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0		
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	1	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lấy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lấy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	1	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lấy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	3	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lấy kể đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	61	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lấy kể đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND huyện đến 100% UBND các xã</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	0	
7.2.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.	%	100%	
7.3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	UBND cấp huyện kết nối, liên thông với UBND tỉnh	Chưa = 0 Đã kết nối = 1	1	
7.3.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
	Tổng số VĂN BẢN ĐI GIỮA các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	1467	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	100	
7.4.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.4.1.	Kết nối liên thông với Hệ thống	Chưa = 0 Đã kết nối = 1	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.4.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.5.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.5.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	27	
7.5.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	12	
7.5.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	0.037	
7.5.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	0	